

GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TỰ DO

Nguyễn Đình Hòa¹

¹Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: nguyendinhhoa.vth@gmail.com

Vũ Thị Kiều Phương²

²Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: vtkphuong@outlook.com

Nhận ngày 5 tháng 5 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 6 năm 2018.

Tóm tắt: Đối với mỗi dân tộc cũng như với mỗi con người, một trong những giá trị hết sức tự nhiên và chính đáng, thiêng liêng mà họ cần và phải được hưởng đó là tự do. Bài viết này tập trung luận giải để khẳng định rằng, Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới, người chiến sĩ kiên cường đã luôn suy tư về giá trị tự do, coi đấu tranh vì quyền tự do là lẽ sống và mục đích cách mạng cao cả; đồng thời, làm rõ một số nội dung cơ bản, sâu sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do được hình thành và phát triển trên cơ sở nghiên cứu lý luận cũng như thực tiễn hoạt động cách mạng của Người.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, tự do.

Trong tiến trình phát triển lịch sử xã hội loài người, tự do vừa là bản chất tự nhiên, vừa là khát vọng hết sức chính đáng của con người. Đấu tranh cho tự do không chỉ góp phần xóa bỏ triệt để sự áp bức, bất công trong xã hội, mà còn hướng tới hiện thực hóa quyền tự nhiên của con người, đồng thời đó cũng chính là thước đo lòng tự trọng của mỗi con người và mỗi dân tộc. Mang trong mình khát vọng tự do mãnh liệt và lòng yêu thương con người sâu sắc, Hồ Chí Minh đã trở thành

người chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho quyền tự do của nhân dân và dân tộc Việt Nam, cũng như của toàn nhân loại. Ngay từ thuở thiếu thời và trong hành trình đấu tranh không khoan nhượng với cường quyền, bạo ngược của chủ nghĩa thực dân, đế quốc nhằm giải phóng con người và dân tộc, Hồ Chí Minh đã không

* Bài viết là kết quả nghiên cứu được rút ra từ đề tài cấp Bộ: “Quan niệm của các nhà kinh điển mácxít về tự do và sự vận dụng quan điểm đó ở Việt Nam hiện nay” do TS. Vũ Thị Kiều Phương làm chủ nhiệm.

ngừng suy tư về giá trị tự do, coi tự do là lẽ sống, là mục đích cách mạng cao cả. Người không chỉ để lại một hệ thống quan điểm sâu sắc về tự do - một giá trị vĩnh hằng của toàn nhân loại, mà quan trọng hơn - còn biến tư tưởng đó thành sức mạnh vô địch của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì quyền làm người chân chính, đưa Việt Nam trở thành một quốc gia độc lập, tự do, có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, đưa nhân dân Việt Nam lên vị thế người chủ thực sự.

Trong lịch sử phát triển của nhân loại, phương Tây là nơi khởi phát tư tưởng tự do. J.Rút-xô - người đấu tranh quyết liệt cho tự do đã khẳng định trong *Khế ước xã hội* rằng, tự do là bản chất con người và do vậy, từ bỏ tự do là từ bỏ phẩm chất con người, từ bỏ quyền làm người và cả nghĩa vụ làm người. Tư tưởng tiến bộ của các nhà cách mạng *Thế kỷ Ánh sáng* về “Tự do, bình đẳng, bác ái” đã trở thành ngọn cờ của cách mạng tư sản. Tuy nhiên, trên thực tế đã xảy ra những điều hết sức trái ngược: Nơi ra đời của tư tưởng tự do lại cũng là nơi khởi phát chủ nghĩa thực dân - thế lực đã tước đi quyền độc lập, tự do và chà đạp lên quyền con người của bao dân tộc khác, trong đó có Việt Nam. Chứng kiến những tội ác man rợ, phi nhân tính mà chủ nghĩa thực dân Pháp đã gây ra cho nhân dân Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc hết sức căm phẫn và Người đã đưa ra bản án chế độ thực dân Pháp, vạch trần bộ mặt thật của chủ nghĩa thực dân ở các nước thuộc địa. Sau này, Hồ Chí Minh đã từng kể lại: “Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu

tiên tôi nghe được ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái (...). Và từ thưở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy” [6, tr.461]. Là một người thanh niên trẻ nhưng với sự nhạy cảm chính trị đặc biệt, Hồ Chí Minh không muốn tiếp cận những biểu hiện bề ngoài của nền văn minh Pháp mà muốn tìm hiểu *thực chất* tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái và bản chất của chủ nghĩa tư bản. Với chủ đích đó, Người quyết định ra nước ngoài, tới các nước phương Tây để tìm con đường giải phóng dân tộc và giành lại tự do cho đồng bào của mình.

Thực dân Pháp chính là kẻ đã tước đoạt quyền tự do của nhân dân Việt Nam, nên muốn giành lại tự do, nhân dân Việt Nam phải chống lại thế lực đó. Muốn chiến thắng kẻ thù thì phải hiểu sâu sắc về nó. Đó là một chân lý đã được lịch sử phát triển xã hội của loài người kiểm chứng. Vì vậy, sau một hành trình dài đến nhiều nước và châu lục khác nhau, cuối năm 1917, Hồ Chí Minh đã trở về Pháp. Luôn theo đuổi lý tưởng tự do, nên năm 1919, Hồ Chí Minh gia nhập *Đảng Xã hội Pháp* vì nhận thấy “đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bênh vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: *Tự do - Bình đẳng - Bác ái*” [5, tr.47]. Cũng trong năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã ký vào bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi Hội nghị Vécxay để đòi những quyền tự do, dân chủ trong khuôn khổ dân chủ tư sản cho nhân dân Việt Nam. Mặc dù bản *Yêu sách*

đó không được Hội nghị đáp ứng, nhưng nó đã gây một tiếng vang rất lớn trên trường quốc tế, bởi đây là lần đầu tiên một bản yêu sách đòi các quyền tự do của người Việt Nam được công bố ở một Hội nghị quốc tế và được đăng tải trên một số tờ báo lớn. Cũng từ sự kiện này, Hồ Chí Minh hiểu rõ rằng, các dân tộc muốn giành được tự do “chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình” [15, tr.43]. Đó phải là công cuộc *tự giải phóng* của những con người nô lệ, chứ tuyệt nhiên không thể trông chờ vào sự “rộng lượng” hay sự “tình ngộ” của những kẻ cướp nước.

Cũng theo Hồ Chí Minh, tự do không đơn thuần là việc đảm bảo các quyền tự do cá nhân ở các nước tư bản như quan niệm của giai cấp tư sản; thế giới chỉ có tự do thực sự khi không còn áp bức giai cấp và áp bức dân tộc. Với quan niệm như vậy, Hồ Chí Minh coi việc *bảo vệ quyền tự do của các dân tộc nhỏ* là tiêu chí quan trọng để đánh giá một tổ chức chính trị có thực chất là cách mạng hay không. Do đó, vào ngày 30-12-1920, khi được hỏi vì sao lại bỏ phiếu cho Quốc tế III cho dù chưa hiểu rõ về tổ chức này, Hồ Chí Minh giải thích: “Đệ tam quốc tế nói sẽ giúp đỡ các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập của họ... Vì thế, tôi đã bỏ phiếu tán thành Đệ tam quốc tế. *Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi*, đây là tất cả những điều tôi muốn, đây là tất cả những điều tôi hiểu” [15, tr.65]. Với luận điểm đó, Hồ Chí Minh đã cho thấy tự do chính là khát

vọng lớn nhất, là mục tiêu đấu tranh cao nhất của mình. Tuyên bố đó sau này được Người nhiều lần tái khẳng định.

Thấu hiểu thân phận nô lệ và khát vọng tự do của nhân dân Đông Dương dưới sự cai trị của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh kịch liệt phê phán luận điệu mỉa mai cho rằng “Đông Dương không muốn cách mạng và bằng lòng với chế độ bây giờ” [6, tr.39]. Người khẳng định sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân chính là mảnh đất nuôi dưỡng khát vọng tự do, ý chí giải phóng của nhân dân Đông Dương, bởi càng mất tự do thì con người lại càng khao khát tự do: “Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến” [6, tr.40]. Nhiệm vụ của người cách mạng, của đảng cách mạng là phải tập hợp những con người ấy vào một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc theo quỹ đạo của cách mạng vô sản để giành lại độc lập, tự do.

Hồ Chí Minh khao khát tự do không chỉ bởi Người thấu hiểu thân phận của một người dân mất nước, luôn dành cho đồng bào tình thương và sự cảm thông sâu sắc, mà còn bằng sự trải nghiệm của một người từng bị tước hết mọi quyền tự do tối thiểu khi bị giam cầm trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch (8/1942 - 9/1943): “Trên đời ngàn vạn điều cay đắng. Cay đắng chi bằng mất tự do”. Với bản lĩnh của một người “Thân thể ở trong lao/ Tinh thần ở ngoài lao”, Hồ Chí Minh đã khơi dậy tinh thần lạc quan cách mạng, cất lên tiếng hát tự do bằng thi phẩm *Nhật ký*

trong tù. Nỗi khao khát tự do của Hồ Chí Minh những năm tháng trong nhà tù Tưởng Giới Thạch không chỉ là tâm lý muốn được giải phóng của một người tù thông thường, mà còn thể hiện nỗi lo âu, trách nhiệm của một người đứng đầu phong trào giải phóng dân tộc khi phong trào đang ở thời điểm đầy những khó khăn, thử thách. Ở *Nhật ký trong tù*, Hồ Chí Minh đã 13 lần nhắc đến cụm từ “tự do”. Có thể nói, chính những trải nghiệm thực tế và những gian truân trên con đường cách mạng càng làm Hồ Chí Minh thấu hiểu sâu sắc giá trị của tự do, đồng thời là động lực thúc đẩy Người trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu mang lại độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân.

Luôn đề cao lý tưởng tự do, nên vào năm 1946, trong một buổi tiếp kiến ngoại giao ở Paris, Hồ Chí Minh đã tuyên bố: “Chính ở Paris này, cái thành phố anh hùng và rộng lượng xướng xuất ra những nguyên tắc tự do, bình đẳng, bác ái, cái thành phố có thói quen bênh vực sự bình đẳng của các dân tộc, chính ở thành phố này tôi trân trọng tuyên bố nước Việt Nam gia nhập vào cái sự nghiệp rất nhân đạo ấy” [8, tr.304]. Khẳng định tự do là khát vọng chung của các dân tộc, Hồ Chí Minh còn nói: “*Việt và Pháp là hai dân tộc tự do, bình đẳng, đều có lý tưởng dân chủ, đều ham muốn tự do*” [8, tr.401]; vì thế, Pháp hãy tôn trọng quyền tự do của dân tộc Việt Nam, cùng Việt Nam xây đắp tình hữu nghị trên tinh thần bình đẳng. Tuy nhiên, không từ bỏ dã tâm quyết cướp đi quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam, một

lần nữa, chính phủ Pháp đã phản bội lại lý tưởng tự do của cách mạng Pháp. Hồ Chí Minh - con người coi tự do là lẽ sống của mình, tìm lại tự do cho dân tộc là trọng trách của mình buộc phải tiến hành cuộc chiến tranh vệ quốc với tinh thần “*Hễ còn một tấc đất trên đất nước ta thì ta còn phải chiến đấu, quét sạch nó đi*”. Có thể khẳng định rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do đã phản ánh, biểu đạt cho khát vọng tự do và cuộc đấu tranh quyết liệt để giành quyền tự do của toàn thể nhân dân Việt Nam. Tư tưởng đó của Người hàm chứa những nội dung hết sức sâu sắc.

Thứ nhất, Hồ Chí Minh khẳng định *tự do là quyền cao quý nhất của con người và không ai có quyền tước đoạt quyền thiêng liêng đó*.

Hồ Chí Minh là một lãnh tụ cách mạng vĩ đại, đồng thời là một danh nhân văn hóa. Những vần thơ nổi tiếng - “*Trên đời nghìn vạn điều cay đắng. Cay đắng chi bằng mất tự do*” không chỉ thể hiện một cảm hứng thi ca, mà trước hết và trên hết là một tư tưởng đã được nung nấu và trở thành giá trị cốt lõi của Người. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, tự do là quyền chân chính, tối thượng của mỗi cá nhân con người, nếu mất nó thì con người sẽ không được sống một cuộc sống đúng nghĩa của con người. Ở tầng bậc cao hơn - đối với các dân tộc thì sự mất tự do là khởi nguồn sâu xa của mọi bi kịch: Đất nước mất tên trên bản đồ thế giới, không còn quyền dân tộc tự quyết, không có cơ hội để phát triển... Kết quả là con người bị hạ nhục, áp bức về tinh thần, trở thành

nô lệ và phải sống một cuộc sống không phải của con người. Áp bức dân tộc là một vết nhơ trong lịch sử nhân loại, vì vậy đấu tranh chống lại nó để giành lấy tự do là lẽ tất yếu của những con người chân chính và của những dân tộc có phẩm giá. Có thể nói, với bất kể ai và bất kể dân tộc nào, tự do cũng đều là xuất phát điểm để đi tới phần vinh, hạnh phúc. Nói cách khác, đã là con người thì *nhất thiết phải có quyền tự do*, đồng thời cũng *phải biết tôn trọng quyền tự do của người khác*. Trong Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố trước toàn thể nhân dân và thế giới rằng, “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” [8, tr.3]. Khi thực dân Pháp quyết cướp nước ta một lần nữa, Hồ Chí Minh đã thay mặt toàn thể dân tộc Việt Nam tuyên bố: “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu làm nô lệ”; khi đế quốc Mỹ mưu toan đưa Việt Nam trở về thời kỳ đồ đá, Người đã đúc kết lên một chân lý lớn nhất của thời đại: “Không có gì quý hơn *độc lập, tự do*” và khẳng định rằng, dù có phải đốt cháy dãy Trường Sơn cũng phải bảo vệ cho được *độc lập, tự do*. Chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc là một hiện tượng quốc tế nên một người yêu nước đấu tranh cho quyền tự do của dân tộc mình đương nhiên phải trở thành người chiến sỹ đấu tranh cho tự do của cả nhân loại. Hồ Chí

Minh chính là hiện thân, đại diện tiêu biểu của mẫu người cao quý đó.

Thứ hai, Hồ Chí Minh khẳng định quyền tự do của mỗi con người phải gắn với quyền tự do của cả dân tộc.

Đây là sự khác biệt trong quan niệm về tự do của Hồ Chí Minh so với quan niệm về tự do của giai cấp tư sản. Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, sau khi trích những câu nói nổi tiếng về quyền con người trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ và *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của nước Pháp, Người đưa ra kết luận: “Suy rộng ra, câu nói ấy có nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” [8, tr.1]. Sự “*suy rộng ra*” của Hồ Chí Minh hoàn toàn hợp lôgic, bởi giữa *quyền con người* và *quyền dân tộc* có mối quan hệ không thể tách rời. Rõ ràng, nếu mỗi con người trong một cộng đồng dân tộc đều có quyền tự do thì lẽ nào dân tộc ấy lại không có quyền độc lập, tự do? Vì thế, nếu quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc và quyền bình đẳng *của con người* là hiển nhiên thì quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do và quyền bình đẳng *của từng dân tộc* cũng là hiển nhiên. Như vậy, Hồ Chí Minh đã nâng *quyền con người* vốn được phương Tây thừa nhận thành *quyền dân tộc* và yêu cầu: Cái quyền hiển nhiên đó của dân tộc Việt Nam phải được các nước đồng minh thừa nhận và tôn trọng.

Cho rằng trong quyền dân tộc đã bao hàm quyền của mỗi con người, lợi ích cá nhân, lợi ích giai cấp phải phục tùng lợi

ích của toàn dân tộc, Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp, phân đế và phân phong của cách mạng Việt Nam. Hội nghị Trung ương 8 của Đảng Cộng sản Đông Dương dưới sự chủ tọa của Hồ Chí Minh đã khẳng định chống đế quốc là nhiệm vụ hàng đầu, bởi “trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được” [3, tr.114]. Đặt *quyền tự do của cả dân tộc lên trên quyền tự do của mỗi cá nhân* là sáng tạo lớn của Hồ Chí Minh và quan điểm đó đã khơi dậy sức mạnh quật khởi của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập, tự do.

Thứ ba, Hồ Chí Minh khẳng định tự do là kết quả của cuộc đấu tranh bền bỉ theo tinh thần “tự lực cánh sinh”.

Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã thử nghiệm các phương pháp đấu tranh khác nhau để giành lại tự do cho nhân dân. Với bản *Yêu sách* gửi Hội nghị Vécxay năm 1919, Người đã sử dụng quyền hạn trong phạm vi dân chủ tư sản để đòi những quyền dân chủ tối thiểu cho nhân dân Việt Nam. Sự kiện này đã giúp Hồ Chí Minh hiểu rằng, kẻ thù không bao giờ tự nguyện rời bỏ lợi ích của nó và trao trả tự do cho các dân tộc khác; muốn có tự do thì mỗi con người, mỗi dân tộc phải can đảm đứng lên bẻ gãy gông xiềng nô lệ, phải “đem sức ta

mà giải phóng cho ta” và sử dụng bạo lực cách mạng là một quy luật tất yếu trong đấu tranh cách mạng.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, khi nói về mối quan hệ giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa, Hồ Chí Minh đã đưa ra luận điểm hết sức sáng tạo: Cách mạng ở thuộc địa có thể thành công trước cách mạng ở chính quốc, nhưng “công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em” [7, tr.138]. Tự lực cánh sinh là điều kiện tiên quyết để có tự do, vì mọi sự phụ thuộc hay dựa dẫm đều có thể dẫn đến sự lệ thuộc. Thấm nhuần quan điểm tự lực cánh sinh, nên khi chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền, Đảng ta dưới sự chỉ đường của Hồ Chí Minh đã xác định: “Đừng có ảo tưởng rằng: quân Tàu và quân Anh, Mỹ sẽ mang lại tự do cho ta. Không, trong cuộc chiến đấu giải phóng cho ta, cố nhiên là phải kiếm bạn đồng minh đầu rằng tạm thời bấp bênh có điều kiện, nhưng *công việc của ta trước hết ta phải làm lấy*” [3, tr.244]. Thực hiện chủ trương đó, trong thời cơ ngàn năm có một vào tháng 8 - 1945, Hồ Chí Minh đã kêu gọi “toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy *đem sức ta mà tự giải phóng cho ta*”. Khi buộc phải kháng chiến chống Pháp, với quan điểm “một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập” [10, tr.445], Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đề ra phương châm kháng chiến là “toàn dân, toàn diện, trường kỳ và *tự lực cách sinh*”. Từ năm 1950, Nhà nước Việt Nam Dân

chủ Cộng hòa đã được Trung Quốc và Liên Xô công nhận và đặt quan hệ ngoại giao, cách mạng Việt Nam bắt đầu nhận được sự viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa; song, Hồ Chí Minh vẫn xác định: “Các nước bạn ta, trước hết là Liên Xô và Trung Quốc ra sức giúp đỡ ta một cách vô tư, khảng khái, để chúng ta có thêm điều kiện tự lực cánh sinh” [12, tr.103].

Có thể khẳng định: Tự do là khát vọng vĩnh hằng, nhưng không có nền độc lập, tự do vĩnh hằng nếu mỗi dân tộc, mỗi con người không đem hết sức mình để bảo vệ nó, nếu còn bị phụ thuộc vào ai đó. Hồ Chí Minh căn dặn nhân dân: “Mỗi một người dân phải hiểu: Có tự lập mới độc lập, có tự cường mới tự do” [9, tr.553]. Chân lý “Không có gì quý hơn độc lập tự do” là một mệnh đề hành động, nó đòi hỏi mỗi người phải nỗ lực góp phần vào việc bảo vệ, gìn giữ quyền độc lập, tự do thiêng liêng của Tổ quốc.

Thứ tư, Hồ Chí Minh đặt tự do vào hệ giá trị cốt lõi là độc lập, tự do, hạnh phúc.

Tiếp thu những giá trị trong chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn, Hồ Chí Minh coi tự do là một giá trị nằm trong chuỗi giá trị thiêng liêng. Theo Người, *độc lập* chính là điều kiện tiên quyết để có được *tự do*; đến lượt mình, *độc lập* và *tự do* lại là tiền đề căn bản để vươn tới *hạnh phúc*. Có thể nói, với Hồ Chí Minh, tự do và hạnh phúc của nhân dân chính là thước đo của một nền độc lập thực sự. Bởi *độc lập, tự do* và *hạnh phúc* luôn gắn kết với nhau, nên trong *Chương trình Việt Minh* do Hồ Chí Minh chỉ đạo soạn thảo và được thông qua vào tháng 10-

1941 đã khẳng định: Mặt trận Việt Minh “cốt thực hiện hai điều mà toàn thể đồng bào đang mong ước: 1. Làm cho nước Việt Nam hoàn toàn *độc lập*. 2. Làm cho nhân dân Việt Nam được sung sướng tự do” [3, tr.470]. Đây chính là điểm khác biệt trong quan niệm về *độc lập* của Hồ Chí Minh so với các bậc cách mạng tiền bối trước đó của dân tộc ta. Người nói rõ: “Nếu nước được *độc lập* mà nhân dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì *độc lập* cũng chẳng có nghĩa ý gì” [8, tr.64]. Người cho rằng, “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ” [13, tr.563]; rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đảm bảo cho sự thực thi các giá trị *Độc lập, Tự do* và *Hạnh phúc*. Vì thế, *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội* là tư tưởng cốt lõi của Hồ Chí Minh, giành *độc lập dân tộc* để đi lên chủ nghĩa xã hội là định hướng chính trị dứt khoát của Hồ Chí Minh.

Thứ năm, Hồ Chí Minh khẳng định trong một nhà nước dân chủ, quyền tự do của con người phải được khẳng định và bảo đảm bằng Hiến pháp, pháp luật.

Theo Hồ Chí Minh, tự do phải được thực thi trên thực tế, chứ không phải là thứ “bánh vẽ” như chủ nghĩa thực dân và đế quốc dùng để mị dân, lừa dân. Trước đây, trong cuộc đấu tranh cách mạng, tự do là khẩu hiệu, ngọn cờ tập hợp và động viên lực lượng cách mạng; khi cách mạng thắng lợi và chính quyền thuộc về nhân dân thì quyền tự do của nhân dân phải được thực thi và đảm bảo bằng luật pháp.

Do đó, bản Hiến pháp năm 1946 và năm 1959 do Hồ Chí Minh làm trưởng ban soạn thảo đều khẳng định công dân Việt Nam có đầy đủ các quyền tự do cơ bản, trong đó có quyền *tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và tự do tín ngưỡng*.

Về mặt lý thuyết, con người tự do trước hết là con người được tự do trong nhận thức và sau đó là được tự do trong hành động. *Tự do trong nhận thức, trong tư tưởng* là khát vọng của mọi con người, bởi đó là cội nguồn của sự sáng tạo. Chế độ dân chủ mà Hồ Chí Minh và Đảng ta chủ trương xây dựng sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công chính là một chế độ trong đó nhân dân được đặt vào vị thế người làm chủ, tự do sáng tạo để xây dựng cuộc sống mới. Hồ Chí Minh yêu cầu mọi người dân phải biết sử dụng cái quyền tự do hết sức thiêng liêng đó. Người từng khẳng định: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người” [12, tr.378]. Ở đây, tự do rất gần với dân chủ và thực hành dân chủ là điều kiện để đảm bảo cho nhân dân có quyền tự do trên thực tế.

Theo Hồ Chí Minh, một chế độ xã hội tiến bộ nhất thiết phải đảm bảo cho con người *quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí*. Lên án gay gắt chế độ thuộc địa của thực dân Pháp đã tước bỏ những quyền quan trọng này của nhân dân Việt Nam, Người đã viết: “Giữa thế kỷ XX này, ở một nước có đến 20 triệu dân mà không

có lấy một tờ báo! Các bạn có thể tưởng tượng được như thế không? *Không có lấy một tờ báo bằng tiếng mẹ đẻ của chúng tôi*” [6, tr.428]. Với quan điểm coi báo chí là diễn đàn để nhân dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình, là thước đo tinh thần dân chủ của một xã hội mới, sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh đã ký nhiều sắc lệnh nhằm đảm bảo quyền tự do ngôn luận của nhân dân trên báo chí. Nhờ đó, báo chí đã trở thành một “kênh” thông tin hữu ích để Đảng và Nhà nước điều chỉnh, bổ sung đường lối, chính sách cho phù hợp với thực tiễn.

Trong các quyền tự do cá nhân, Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng đến *quyền tự do tín ngưỡng* của công dân Việt Nam. Luôn cho rằng niềm tin tôn giáo là quyền của mỗi con người và niềm tin ấy cần được tôn trọng, ngay trong phiên họp đầu tiên của *Hội đồng Chính phủ lâm thời* ngày 3-9-1945, Hồ Chí Minh đã đề nghị: “Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và lương giáo đoàn kết” [8, tr.8]. Phát biểu tại buổi lễ mừng *Liên hiệp quốc gia* ngày 5-1-1946, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Tín đồ Phật giáo tin ở Phật, tín đồ Giatô tin ở Đức Chúa trời; cũng như chúng ta tin ở đạo Không. Đó là những vị chí tôn nên chúng ta tin tưởng” [8, tr.169]. Dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, *Hiến pháp năm 1946* và *Hiến pháp năm 1959* đều khẳng định: Nhân dân có quyền “tự do tín ngưỡng”, có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Hồ Chí Minh kiên quyết chống lại mọi hành vi vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn

giáo của nhân dân nên trong *Tám điều lệnh* của chính phủ Dân chủ Cộng hòa Việt Nam có điều lệnh số 4 là “Chính quyền, quân đội và đoàn thể phải tôn trọng tín ngưỡng, phong tục, tập quán của đồng bào” [10, tr.488]. Người căn dặn cán bộ trong mọi trường hợp “không nên xúc phạm đến tín ngưỡng phong tục của dân” [9, tr.501]. Luôn trân trọng những giá trị tốt đẹp ẩn chứa trong giáo lý tôn giáo, luôn coi trọng những người sáng lập tôn giáo, luôn đảm bảo cho nhân dân quyền tự do tín ngưỡng là *điểm vượt trội* trong tư duy chính trị của Hồ Chí Minh so với nhiều nhà mácxít đương thời.

Kế thừa truyền thống chống giặc ngoại xâm bất khuất của dân tộc, tiếp thu tư tưởng tự do của nhân loại tiến bộ, phát huy tinh thần cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng tự do Hồ Chí Minh đã chung đúc một giá trị vĩnh hằng của nhân loại và bản thân Người đã trở thành biểu tượng cao cả của khát vọng tự do.

Đúng như các học giả quốc tế đã nhận xét: Hồ Chí Minh là một con người mà “không có Người, lịch sử đã có thể đi theo một con đường khác” [1, tr.152]. Kết tinh khát vọng tự do của cả dân tộc, biểu đạt giá trị căn cốt của cả loài người, tư tưởng tự do Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục soi rọi cho dân tộc Việt Nam trên hành trình xây dựng một nước Việt Nam “hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” [14, tr.614] như di nguyện cuối cùng của Người - người chiến sỹ đã trọn đời đấu tranh cho tự do.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc - nhà văn hóa lớn (1990), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Phạm Minh Hạc (2001), *Về phát triển con người toàn diện trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, t.1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập* (Bộ gồm 15 tập), t.1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [11] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.9, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [12] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [13] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [14] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.15, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [15] Trần Dân Tiên (2015), *Những mẩu chuyện về hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.